

Bản án số: 207/2019/DSPT
Ngày: 21/3/2019
V/v tranh chấp về hợp đồng đặt cọc
chuyển quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hương

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

Bà Nguyễn Thị Huyền

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 674/2018/TLPT-DS ngày 24 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp về hợp đồng đặt cọc chuyển quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 584/2018/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận T bị kháng cáo.

Theo Q định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 727/2019/QĐ-PT ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình Q, sinh năm 1986.
Địa chỉ: 365A đường V, khu phố 2, phường Đ, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Phí Thị X, sinh năm: 1962.
Địa chỉ: 50 đường C, khu phố 3, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: A9.12A chung cư P, 35 đường L, phường L2, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thanh L3, sinh năm: 1986.
Địa chỉ: 365A đường V, khu phố 2, phường Đ, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Đình Q – Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 6648, quyền số 4TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/4/2018) (có mặt).

3.2. Ông Bùi Văn Đ1, sinh năm: 1960.

Địa chỉ thường trú: 50 đường C, khu phố 3, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: A9.12A chung cư P, 35 đường L, phường L2, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3.3. Bà Hoàng Thị H.

Địa chỉ: Nhà đất Thanh H, số 259 Đinh Phong Phú, phường TB, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.4. Ông Nhâm Đức T1, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: 7.10 Chung cư S9, đường LP, phường PH, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Người làm chứng:

Ông Nguyễn Đình Q1, sinh năm: 1955.

Địa chỉ: 261 đường GD, khu phố 2, phường TB, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người kháng cáo: Bà Phí Thị X – bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 01 năm 2018, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Đình Q trình bày:

Ngày 26/11/2017, ông và vợ là bà Nguyễn Thanh L3 được bà Hoàng Thị H môi giới mua thửa đất số 735, tờ bản đồ số 24 có diện tích 80,8 m² tại địa chỉ phường TB, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh của bà Phí Thị X. Vợ chồng ông đã coi bản phôi tô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được bà H dẫn đi coi lô đất vào buổi tối, vợ chồng ông đồng ý mua với giá 2.490.000.000 đồng.

Ngày 27/11/2017, vì ông bận việc nên chỉ có bà L3 ký hợp đồng đặt cọc với bà X và đặt cọc cho bà X số tiền 100.000.000 đồng. Khi ký hợp đồng đặt cọc, có mặt Ông Nhâm Đức T1 và bà Hoàng Thị H là 02 người môi giới bán đất cho bà X. Hợp đồng đặt cọc lập thành 02 bản, vợ chồng ông giữ 1 bản và bà X giữ 1 bản.

Ngày 18/12/2017, hai bên ra ký hợp đồng chuyển nhượng. Tại Phòng công chứng, cũng có mặt Ông T1 và bà H. Lúc này, bà X có nói trên đất có vườn chuối, ông thấy lạ vì khi bà H dẫn đi coi thì không có vườn chuối. Ông yêu cầu được đi coi lại thì Ông T1 chở ông đi và không đúng lô đất mà lần trước bà H dẫn ông đi coi, lô đất này cách lô đất lần trước 02 đến 03 lô, ông không nhớ rõ, lô đất bà H dẫn đi coi ở phía ngoài, lô đất này ở phía trong, cùng dãy. Khi quay lại Phòng công chứng, ông không đồng ý mua, bà H có xác nhận là do trời tối bà nhớ nhầm nên chỉ sai lô đất. Ngày hôm sau, bà H xác nhận vào bản hợp

đồng đặt cọc mà ông giữ cam kết bà X sẽ trả lại tiền cọc cho ông trong vòng 30 ngày, lúc này không có mặt bà X, chỉ có Ông T1. Ông T1 xác nhận đã đưa cho bà H tiền môi giới. Đến khoảng ngày 04/01/2018, bà X trả cho ông được 50.000.000 đồng tiền cọc.

Tại đơn khởi kiện, ông yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc nhà đất ngày 27/11/2017 giữa ông và bà X, yêu cầu bà X trả số tiền cọc còn lại 50.000.000 đồng và bồi thường 100.000.000 đồng.

Quá trình giải Q vụ án, ông thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng đặt cọc nhà đất ngày 27/11/2017 giữa ông và bà X vô hiệu và yêu cầu bà X trả lại số tiền cọc còn lại 50.000.000 đồng, ngoài ra ông không yêu cầu bà X bồi thường 100.000.000 đồng.

Vì là tài sản chung của vợ chồng nên ông yêu cầu bà X trả 50.000.000 đồng cho ông và bà L3, trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ông chỉ yêu cầu một mình bà Xuyết trả tiền cọc, không yêu cầu đối với ông Nguyễn Thanh L3 (chồng bà X) vì chỉ có bà X ký hợp đồng đặt cọc và nhận tiền cọc.

+ Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn bà Phí Thị X trình bày:

Bà cần chuyển nhượng thửa đất số 735, tờ bản đồ số 24, có diện tích 80,8 m² tại địa chỉ phường TB, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh nên giao Giấy chứng nhận bản phô tô cho Ông Nhâm Đức T1 tìm người mua. Việc này chỉ thỏa thuận bằng miệng, Ông T1 biết rõ lô đất này. Ông T1 ký gửi lại cho bà Hoàng Thị H tìm người mua, bà không biết việc này, cũng không biết bà H là ai. Sau đó, Ông T1 báo đã có vợ chồng ông Nguyễn Đình Q, bà Nguyễn Thanh L3 đồng ý mua và ký hợp đồng đặt cọc.

Ngày 27/11/2017, vì ông Q bận công việc nên bà Nguyễn Thanh L3 (vợ ông Q) đến ký hợp đồng đặt cọc và đặt cọc cho bà số tiền 100.000.000 đồng. Trước khi ký hợp đồng đặt cọc, bà có hỏi bà L3 đã coi kỹ đất chưa, bà L3 và Ông Nguyễn Đình Q1 (là cha của ông Q) xác nhận đã coi kỹ đất và đồng ý ký hợp đồng đặt cọc. Hợp đồng đặt cọc lập thành 02 bản, bà giữ 1 bản và vợ chồng ông Q giữ 1 bản.

Ngày 18/12/2017, tại Phòng Công chứng, trước khi ký hợp đồng chuyển nhượng, ông Q yêu cầu được đi coi lại đất. Ông T1 chở ông Q đi coi lại, sau đó, Q không đồng ý mua, yêu cầu trả lại tiền cọc vì lô đất không đúng với lô đất lần trước ông Q được bà H dẫn đi coi. Lúc này, bà mới biết Ông T1 lại ký gửi việc bán đất cho bà H, bà H là người dẫn vợ chồng ông Q đi coi đất. Tại Phòng Công chứng, bà H cũng xác nhận là do bà H chỉ sai lô đất. Theo nguyên tắc thì người môi giới dẫn đi coi đất, vợ chồng ông Q đồng ý mua thì mới ký hợp đồng đặt cọc và trước khi ký hợp đồng đặt cọc cũng không yêu cầu bà dẫn đi coi lại đất, nay ông Q không đồng ý mua theo thỏa thuận thì mất tiền cọc. Tuy nhiên, vì ông Q nói khó khăn nên bà đã trả lại 50.000.000 đồng, còn 50.000.000 đồng bà đã trả tiền môi giới cho Ông T1. Theo quy tắc về môi giới, giữa bà và ông Q có tiếp tục chuyển nhượng hay không đều không thể đòi lại tiền môi giới nên ông Q không thể yêu cầu trả lại số tiền 50.000.000 đồng. Bà nghe Ông T1 nói đã trả

cho bà H 30.000.000 đồng tiền công môi giới, bà chỉ ký gửi đất cho Ông T1 và trả tiền môi giới cho Ông T1, việc Ông T1 tiếp tục ký gửi đất và trả tiền cho bà H không liên quan đến bà. Việc bà H xác nhận dưới bản hợp đồng đặt cọc mà ông Q giữ là do trời tối nên bà H có sự nhầm lẫn, chỉ sai lô đất và thỏa thuận bà sẽ trả lại tiền cọc trong thời gian 30 ngày, bà không biết. Bà không yêu cầu Ông T1 và bà H trả số tiền 50.000.000 đồng.

Nay tại Tòa, bà không đồng ý trả lại tiền cọc 50.000.000 đồng cho vợ chồng ông Q, bà cũng không có yêu cầu bồi thường.

+ Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thanh L3 ủy quyền ông Nguyễn Đình Q đại diện trình bày:

Ngày 27/11/2017, khi tiến hành ký hợp đồng đặt cọc vì ông Nguyễn Đình Q bận công việc nên chỉ có bà Nguyễn Thanh L3 (vợ ông Q) ký hợp đồng và đặt cọc cho bà X số tiền 100.000.000 đồng. Nay, bà L3 hoàn toàn thống nhất với ý kiến của ông Q, yêu cầu bà X trả lại số tiền đặt cọc còn lại 50.000.000 đồng cho vợ chồng ông bà, ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

+ Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh L3 trình bày:

Thửa đất số 735, tờ bản đồ số 24 tại địa chỉ phường TB, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh do vợ ông là bà Phí Thị X đứng tên. Ông bà cần bán nên giao cho Ông Nhâm Đức T1 tìm người mua. Quá trình tiến hành dẫn người mua đi coi đất, đặt cọc ông không biết, không có mặt. Chỉ có bà X ký hợp đồng đặt cọc và nhận cọc 100.000.000 đồng. Ngày 18/12/2017, khi ra ký hợp đồng chuyển nhượng tại Phòng Công chứng thì ông Nguyễn Đình Q đổi ý không mua vì người môi giới đã chỉ sai lô đất và yêu cầu trả lại tiền cọc. Ông Q không mua theo thỏa thuận thì mất cọc nhưng vì ông Q nói đang khó khăn nên ông và bà X đã trả cho ông Q 50.000.000 đồng, còn 50.000.000 đồng đã trả cho người môi giới là Ông T1. Ông thống nhất với những ý kiến của bà X, không có ý kiến, yêu cầu gì khác trong vụ án này.

+ Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nhâm Đức T1 trình bày:

Bà Phí Thị X ký gửi cho ông thửa đất số 735, tờ bản đồ số 24 tại địa chỉ phường TB, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh để tìm người mua, ông lại ký gửi cho bà Hoàng Thị H bán giùm. Sau đó, bà H báo có vợ chồng ông Nguyễn Đình Q cần mua. Ngày 27/11/2017, vợ chồng ông Q và bà X ký hợp đồng đặt cọc và tiến hành đặt cọc 100.000.000 đồng. Đến ngày 18/12/2017, khi ra công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng thì ông Q đổi ý không mua, đòi lại tiền cọc. Ông xác nhận bà X đưa cho ông 50.000.000 đồng tiền công môi giới, ông phải tiếp tục trả cho bà H 30.000.000 đồng tiền môi giới.

+ Quá trình tham gia tố tụng, người làm chứng Ông Nguyễn Đình Q1 trình bày:

Vợ chồng con trai ông là ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thanh L3 có nhu cầu mua đất nên được bà Hoàng Thị H giới thiệu mua lô đất của bà Phí Thị

X tại địa chỉ phường TB, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi bà H dẫn đi coi đất, vợ chồng ông Q đồng ý mua. Ngày 27/11/2017, vì ông Q bận công việc nên chỉ có bà L3 ký hợp đồng đặt cọc và đặt cọc 100.000.000 đồng cho bà X, có mặt ông chứng kiến. Lúc này, có mặt bà Hoàng Thị H và Ông Nhâm Đức T1, ông mới biết là 02 người môi giới. Ngày 18/12/2017, khi ra ký hợp đồng chuyển nhượng tại Phòng Công chứng, ông có nói ông Q nên đi coi lại đất thì Ông T1 là người chở ông Q đi coi. Sau khi coi lại thì không phải lô đất mà lần trước bà H dẫn đi coi nên gia đình ông thống nhất không đồng ý mua, ông Q yêu cầu hủy hợp đồng và yêu cầu bà X trả lại tiền cọc. Bà X đã trả được 50.000.000 đồng. Bà H có xác nhận do trời tối nên bà nhầm lẫn chỉ sai lô đất. Ngoài ra, ông không có ý kiến gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 584/2018/DS-ST ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Đình Q.

Tuyên bố hợp đồng đặt cọc nhà đất ngày 27/11/2017 giữa ông Nguyễn Đình Q và bà Phí Thị X vô hiệu.

Buộc bà Phí Thị X có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thanh L3 số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng. Trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Q định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra Q định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Nguyễn Đình Q về việc yêu cầu bà Phí Thị X bồi thường số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn – bà Phí Thị X có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo – bà Phí Thị X trình bày: Bà kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về việc buộc bà phải trả cho ông Q, bà L3 số tiền đặt cọc còn lại là 50.000.000 đồng và phải chịu án phí trên số tiền trên, bà đề nghị sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Nguyên đơn – ông Nguyễn Đình Q trình bày: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải Q vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã thực hiện thủ tục, trình tự theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 584/2018/DS-ST ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Thanh L3, bà Hoàng Thị H và Ông Nhâm Đức T1 có đơn xin xét xử vắng mặt; người làm chứng – Ông Nguyễn Đình Q1 đã có lời khai tại Tòa án và có đơn xin xét xử vắng mặt; do đó, căn cứ vào Điều 229 và khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử Q định tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung, bị đơn – bà Phí Thị X kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm như đã trình bày ở trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Theo các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ nhận thấy, giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng đặt cọc về việc thỏa thuận mua bán thửa đất số 735, tờ bản đồ số 24 tại địa chỉ phường TB, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 27/11/2017, vì ông Q bận công việc nên chỉ có bà Nguyễn Thanh L3 (vợ ông Q) ký hợp đồng đặt cọc và đã đặt cọc cho bà X số tiền 100.000.000 đồng. Khi thực hiện việc ký kết hợp đồng mua bán tại Phòng Công chứng thì xảy ra tranh chấp do ông Q đi coi lại đất trước khi ký hợp đồng đã phát hiện có sự nhầm lẫn giữa lô đất hai bên mua bán với lô đất mà bà H (người môi giới) đã chỉ cho ông Q xem. Bà H - người môi giới đã xác nhận chỉ nhầm lô đất mua bán khi dẫn ông Q đi xem đất. Phía bị đơn cho rằng mình chỉ ký gửi lô đất cho Ông T1 mà không biết bà H là không chính xác; bởi lẽ, tại Bản tự khai ngày 26/3/2018 của bà X (bút lục số 88) bà X xác nhận có biết việc Ông T1 ký gửi lô đất của bà gửi bán cho bà H và xác nhận bà H (người môi giới) có mặt tại nhà bà trong thời điểm ký hợp đồng đặt cọc cùng bà L3, ông Q1; tại Biên bản không tiến hành hòa giải được 14/9/2018 (bút lục số 107), bà X thừa nhận có biết “Tại phòng công chứng, bà H cũng xác nhận là do bà H chỉ sai lô đất”; do đó, nguyên nhân không tiếp tục việc ký kết hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn và bị đơn là do bà H đã chỉ không đúng đối tượng chuyển nhượng. Cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá đầy đủ các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định hợp đồng đặt cọc ký kết giữa hai bên vô hiệu do nhầm lẫn theo quy định tại Điều 126 Bộ luật Dân sự là có cơ sở.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn có trình bày và đưa ra chứng cứ là bản cam kết của bà H nhằm chứng minh bà H xác nhận việc nhầm lẫn khi dẫn ông Q đi xem đất trên hợp đồng đặt cọc là do bị gia đình ông Q đe dọa, ép buộc nhưng bà H không có chứng cứ chứng minh việc bị đe dọa, ép buộc và phía ông Q không

thừa nhận đã ép buộc bà H; chữ ký xác nhận là của bà H. Trong suốt quá trình giải Q ở cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa xét xử phúc thẩm bà H đều không lên tòa trình bày ý kiến, do đó có cơ sở xác định bà H chỉ sai lô đất và lô đất thật mà bà X muốn bán không phù hợp với yêu cầu xây dựng nhà của ông Q nên dẫn đến không tiếp tục được việc mua bán. Các bên đương sự đều không có yêu cầu bồi thường, cấp sơ thẩm căn cứ Điều 131 BLDS để giải Q hậu quả là phù hợp. Bà X đã trả cho ông Q 50.000.000 đồng, do đó phải có nghĩa vụ trả nốt số tiền 50.000.000 đồng còn lại và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp quy định pháp luật.

Các phần Q định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Từ những lập luận trên, xét không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về án phí, án phí dân sự phúc thẩm, do không được chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên bà X phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn – bà Phí Thị X, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 584/2018/DS-ST ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Đình Q.

Tuyên bố hợp đồng đặt cọc nhà đất ngày 27/11/2017 giữa ông Nguyễn Đình Q và bà Phí Thị X vô hiệu.

Buộc bà Phí Thị X có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Đình Q và bà Nguyễn Thanh L3 số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Nguyễn Đình Q về việc yêu cầu bà Phí Thị X bồi thường số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phí Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Hoàn lại cho ông Nguyễn Đình Q số tiền tạm ứng án phí 3.750.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo Biên lai thu số 38322 ngày 27/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phí Thị X phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà X đã nộp theo Biên lai thu số AA/2018/0023079 ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà X đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THA DS TP.HCM;
- Chi cục THA DS quận T;
- TAND quận T;
- Các đương sự;
- Lưu: (T/20)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hương